

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-35

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 39 ngày 24/06/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Trần Phúc	Ủy viên
Ông Nguyễn Trường Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Hải Nguyên	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Giám đốc Logistic

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban
Bà Trần Thị Ngọc Đào	Thành viên
Ông Dương Quang Thoại	Thành viên

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Nguyễn Hoàng Anh - Tổng Giám đốc và ông Nguyễn Hoàng Dũng - Chủ tịch HĐQT.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Dưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Anh  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2025

Số: 110225.002/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được lập ngày 11 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

---

**Nguyễn Trung Kiên**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2025-002-1

*Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2025*

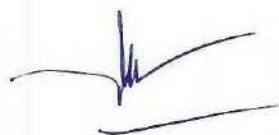
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>597.576.672.368</b>	<b>531.641.739.246</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>222.129.377.723</b>	<b>201.462.273.201</b>
111	1. Tiền		122.530.637.996	113.369.343.761
112	2. Các khoản tương đương tiền		99.598.739.727	88.092.929.440
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>123.622.252.922</b>	<b>114.048.510.834</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		100.443.510.872	92.111.183.987
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		23.178.742.050	21.937.326.847
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>178.206.386.915</b>	<b>144.556.683.071</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	139.740.743.758	121.260.636.539
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.625.000	70.052.172
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	38.463.018.157	23.225.994.360
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>45.520.513.988</b>	<b>46.904.585.551</b>
141	1. Hàng tồn kho		45.520.513.988	46.904.585.551
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>28.098.140.820</b>	<b>24.669.686.589</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	-	150.295.077
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		28.098.140.820	24.519.391.512
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>300.765.073.103</b>	<b>313.007.842.310</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.462.473.600</b>	<b>250.473.600</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.462.473.600	250.473.600
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>49.404.492.971</b>	<b>61.007.645.210</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	47.128.327.697	58.711.796.600
222	- Nguyên giá		220.093.669.740	219.849.259.842
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(172.965.342.043)	(161.137.463.242)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	2.276.165.274	2.295.848.610
228	- Nguyên giá		4.542.745.000	4.542.745.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.266.579.726)	(2.246.896.390)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>100.949.475</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	100.949.475
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>246.944.721.848</b>	<b>247.077.371.848</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		72.473.650.000	61.566.300.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		173.359.124.000	185.359.124.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.087.000.000	2.087.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(975.052.152)	(1.935.052.152)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.953.384.684</b>	<b>4.571.402.177</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.953.384.684	4.571.402.177
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>898.341.745.471</b>	<b>844.649.581.556</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>160.699.341.045</b>	<b>139.829.997.476</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>160.608.181.045</b>	<b>139.738.837.476</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	139.682.576.992	113.727.456.697
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	6.032.156.621	7.704.372.771
314	3. Phải trả người lao động		2.867.853.800	5.858.378.950
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	13	2.349.554.329	2.461.601.575
322	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		9.676.039.303	9.987.027.483
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>91.160.000</b>	<b>91.160.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	13	91.160.000	91.160.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>737.642.404.426</b>	<b>704.819.584.080</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14</b>	<b>737.642.404.426</b>	<b>704.819.584.080</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		248.870.460.000	238.160.460.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		248.870.460.000	238.160.460.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		26.882.847.992	26.882.847.992
415	3. Cổ phiếu quỹ		(17.300.120.000)	(17.300.120.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		102.680.239.789	93.092.391.566
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		290.938.086.507	251.695.874.966
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		85.570.890.138	112.288.129.556
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		14.257.157.325	19.573.079.908
421b	LNST chưa phân phối năm nay		71.313.732.813	92.715.049.648
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>898.341.745.471</b>	<b>844.649.581.556</b>


Nguyễn Thị Duyên Thắm  
Người lập

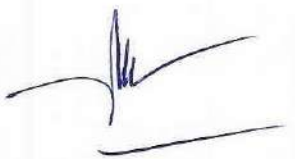
Đặng Thị Thúy Hằng  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hoàng Anh  
Tổng Giám đốc

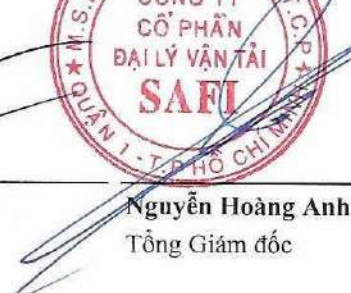
Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG***Năm 2024*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	1.069.161.372.768	925.674.750.548
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.069.161.372.768	925.674.750.548
11	4. Giá vốn hàng bán	17	916.963.991.683	780.388.702.493
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		152.197.381.085	145.286.048.055
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	33.894.347.794	68.482.754.074
22	7. Chi phí tài chính	19	4.285.688.195	2.461.730.319
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		305.136.986	-
25	8. Chi phí bán hàng	20	72.486.481.474	76.987.555.599
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	23.249.281.771	24.793.509.771
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		86.070.277.439	109.526.006.440
31	11. Thu nhập khác	22	816.089.873	941.616.162
32	12. Chi phí khác		10.500.534	10.495.515
40	13. Lợi nhuận khác		805.589.339	931.120.647
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		86.875.866.778	110.457.127.087
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	15.562.133.965	17.742.077.439
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>71.313.732.813</b>	<b>92.715.049.648</b>


Nguyễn Thị Duyên Thắm  
Người lập

Đặng Thị Thúy Hằng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Anh  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		86.875.866.778	110.457.127.087
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.431.358.784	18.098.186.239
03	- Các khoản dự phòng		(960.000.000)	30.000.000
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.958.031.827)	170.199.382
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(12.607.924.299)	(54.068.408.395)
06	- Chi phí lãi vay		305.136.986	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		86.086.406.422	74.687.104.313
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(38.583.728.511)	85.522.479.559
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.384.071.563	2.194.470.849
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		22.199.126.122	(24.453.008.371)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.869.262.045	1.409.686.998
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(8.332.326.885)	(9.030.769.728)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(305.136.986)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(16.602.544.738)	(16.264.969.625)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.187.342.647)	(3.306.887.981)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		44.527.786.385	110.758.106.014
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.834.848.080)	(1.314.987.429)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		509.090.909	931.616.162
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.241.415.203)	(14.492.192.407)
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.907.350.000)	-
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.000.000.000	76.220.607.274
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.248.750.284	27.151.210.936
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		9.774.227.910	88.496.254.536
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		10.710.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		25.000.000.000	-
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(25.000.000.000)	-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(46.302.941.600)	(132.484.175.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(35.592.941.600)	(132.484.175.700)

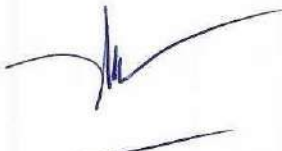
## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG


Năm 2024


(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		18.709.072.695	66.770.184.850
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		201.462.273.201	134.862.287.733
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.958.031.827	(170.199.382)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>222.129.377.723</u>	<u>201.462.273.201</u>

  
Nguyễn Thị Duyên Thắm  
Người lập

  
Đặng Thị Thúy Hằng  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hoàng Anh  
Tổng Giám đốc



Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2025

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 39 ngày 24/06/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 248.870.460.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 248.870.460.000 VND; tương đương 24.887.046 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 360 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 368 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải và đại lý vận tải.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý vận tải; Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa; Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa; Đại lý tàu biển; Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển; Hoạt động của các đại lý vé máy bay;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới hàng hải;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh). Vận tải đa phương thức quốc tế.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2024, sự phục hồi và tăng trưởng của hoạt động xuất nhập khẩu đã làm tăng nhu cầu sử dụng dịch vụ logistics và vận tải biển, vận tải hàng không và dịch vụ đại lý hàng tàu. Do đó, doanh thu của Công ty tăng 15,5% và lợi nhuận gộp tăng 4,76% so với năm ngoái

#### Cấu trúc doanh nghiệp

##### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quảng Ninh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hải Phòng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hà Nội

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Đà Nẵng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quy Nhơn

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Vũng Tàu

##### Địa chỉ

Tô 7A, Khu 9B, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Phòng 538 Tầng 5, Tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Tầng 7, tòa nhà 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Lô 39, Đường số 02, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

201-203 Đường Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

30B Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thắng Tam, Thành Phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty, được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

### 2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

## **2.5 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## **2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## **2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại dịch vụ chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

## 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.



### 2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

### 2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## **2.18 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.19 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

## **2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, đường Nguyễn Văn Thù,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

### 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

### 2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thông tin chi tiết về giao dịch với bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty do Công ty công bố đồng thời Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### 2.23 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	319.063.101	300.033.916
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	122.211.574.895	113.069.309.845
Các khoản tương đương tiền	99.598.739.727	88.092.929.440
	<u>222.129.377.723</u>	<u>201.462.273.201</u>

(\*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất từ 4,1%/năm đến 4,5%/năm

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 23.178.742.050 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8%/năm đến 5%/năm.

**b) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Tổng giá trị trái phiếu				
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn MASAN</i>	-	-	2.001.855.186	-
<i>Ngân hàng thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam</i>	6.908.183.679	-	15.003.605.958	-
<i>Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials</i>	-	-	13.252.901.099	-
<i>Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)</i>	-	-	22.197.746.888	17.147.278.200
<i>Công ty Cổ phần Vinhomes (*)</i>	31.861.582.578	31.980.952.073	24.086.613.664	20.260.000.000
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast</i>	61.673.744.615	-	7.013.890.898	-
<i>Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa (*)</i>	-	-	3.783.348.682	3.945.367.200
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Hưng Yên</i>	-	-	4.771.221.612	-
	<b>100.443.510.872</b>	<b>31.980.952.073</b>	<b>92.111.183.987</b>	<b>41.352.645.400</b>

(\*) Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các trái phiếu này trên sàn HOSE tại ngày 29/12/2023 và 31/12/2024.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính còn lại do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>72.473.650.000</b>			
- Công ty TNHH Đại Lý Vận Tải COSFI <sup>(1)</sup> (*)	12.473.650.000		-	61.566.300.000
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi <sup>(2)</sup>	60.000.000.000		-	1.566.300.000
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>173.359.124.000</b>		<b>(975.052.152)</b>	<b>185.359.124.000</b>
- Công ty TNHH SITC Việt Nam <sup>(3)</sup>	3.628.344.000		-	3.628.344.000
- Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) <sup>(4)</sup>	4.350.780.000		(975.052.152)	4.350.780.000
- Công ty TNHH Dong Hong Logistics Đà Nẵng <sup>(5)</sup>	980.000.000		-	980.000.000
- Công ty TNHH Minh Toàn - Safi <sup>(6)</sup> (*)	164.400.000.000		-	176.400.000.000
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>2.087.000.000</b>	<b>1.530.000.000</b>		<b>2.087.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (Mã CK: VLG) <sup>(**)</sup>	1.500.000.000	1.530.000.000		1.500.000.000
- Công ty TNHH New SITC Containers Lines Việt Nam <sup>(7)</sup>	467.000.000		-	467.000.000
- Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics <sup>(8)</sup>	120.000.000		-	120.000.000
	<b>247.919.774.000</b>	<b>1.530.000.000</b>	<b>(975.052.152)</b>	<b>249.012.424.000</b>
				<b>540.000.000</b>
				<b>(1.935.052.152)</b>

(\*) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Cosfi và nhận lại một phần vốn góp tại Công ty TNHH Minh Toàn - Safi như sau:

- Giao dịch nhận lại một phần vốn góp tại Công ty TNHH Minh Toàn - Safi do công ty này giảm vốn điều lệ, tổng số tiền 12 tỷ VND. Sau giao dịch trên, tại ngày 31/12/2024, số vốn góp của Công ty tại công ty này là 164.400.000.000 VND;
- Giao dịch mua 70.370 cổ phần của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Cosfi từ các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 703.700.000 VND, giá phí 10.907.350.000 VND. Sau giao dịch trên, tại ngày 31/12/2024, Công ty đang sở hữu 227.000 cổ phần của Công ty này, tương đương tổng mệnh giá 2.270.000.000 VND, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Đại lý Vận tải COSFI là 100%.

(\*\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (Mã CK: VLG) được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này trên sàn UPCOM tại ngày 29/12/2023 và 31/12/2024.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính còn lại do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đại Lý Vận Tải COSFI <sup>(1)</sup>	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi <sup>(2)</sup>	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kinh doanh, cho thuê bất động sản

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312441747 thay đổi lần thứ 6 ngày 02/07/2024 vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý Vận tải Cosfi là 2,27 tỷ VND. Vốn thực góp của Công ty đến thời điểm 31/12/2024 là 2,27 tỷ VND.

(2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312971945 vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI là 60 tỷ VND do Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi góp toàn bộ. Vốn thực góp của Công ty đến thời điểm 31/12/2024 là 60 tỷ VND.

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH SITC Việt Nam <sup>(3)</sup>	Thành phố Hải Phòng	51,00%	50,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) <sup>(4)</sup>	Thành phố Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải
Công ty TNHH Dong Hong Logistics Đà Nẵng <sup>(5)</sup>	Thành phố Đà Nẵng	49,00%	49,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH Minh Toàn - Safi <sup>(6)</sup>	Thành phố Đà Nẵng	50,00%	50,00%	Dịch vụ lưu trú

(3) Công ty TNHH SITC Việt Nam (SITC Việt Nam) đã hết hạn liên doanh và đã làm thủ tục gia hạn liên doanh. Tuy nhiên, sau khi gia hạn liên doanh Công ty không còn kiểm soát hoạt động kinh doanh của SITC Việt Nam nên Công ty ghi nhận khoản đầu tư vào SITC Việt Nam là khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

(4) Theo hợp đồng liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ, Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service, thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) (tên cũ là Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam)) là 600.000 USD, trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

Cũng theo hợp đồng liên doanh thì Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đã hết thời hạn hoạt động kinh doanh vào ngày 05/09/2014. Đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đang thực hiện các thủ tục để giải thể. Việc thanh lý khoản đầu tư sẽ thực hiện khi hoàn tất thủ tục giải thể, do đó việc ghi giảm giá gốc khoản đầu tư và các chi phí liên quan đến thanh lý cũng như tài sản được phân chia (nếu có) sẽ được ghi nhận tại thời điểm đó.

(5) Ngày 18/02/2022, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Dong Hong Logistics Đà Nẵng với số tiền 980.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/NQ-HĐQT-2021 ngày 10/08/2021. Tại ngày 31/12/2024, vốn điều lệ của Công ty TNHH Dong Hong Logistics Đà Nẵng là 2.000.000.000 VND, trong đó vốn góp của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI là 980.000.000 VND, chiếm 49% vốn điều lệ và ông Liu Hong Chung quốc tịch Trung Quốc góp 1.020.000.000 VND, chiếm 51 % vốn điều lệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(6) Tại ngày 31/12/2024, vốn điều lệ của Công ty TNHH Minh Toàn - Safi là 328.800.000.000 VND, trong đó vốn góp của Công ty là 164,4 tỷ VND, chiếm 50% vốn điều lệ; Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Toàn góp 164,4 tỷ VND.

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Cổ phần nắm giữ hoặc tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (Mã CK: VLG)	Hà Nội	150.000 cổ phần	Dịch vụ vận tải
Công ty TNHH New SITC Containers Lines Việt Nam <sup>(7)</sup>	Hải Phòng	20,00%	Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa
Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics <sup>(8)</sup>	Hải Phòng	1,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển

(7), (8): Theo nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty số 08-2019/NQ-HĐQT ngày 16/09/2019, Công ty đã góp vốn thành lập các công ty: Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam và Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics với số vốn điều lệ lần lượt là 2.335.000.000 VND và 12.000.000.000 VND. Riêng đối với Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam, tỷ lệ lợi ích của công ty là 20% nhưng do Công ty không tham gia điều hành nên khoản đầu tư này được phân loại là các khoản đầu tư dài hạn khác.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo loại hình dịch vụ</b>				
Phải thu các hãng tàu	7.483.714.006	-	14.736.386.645	-
Phải thu khách hàng giao nhận	70.423.318.288	-	62.974.055.004	-
Phải thu khách hàng đường biển và đường không	59.153.130.377	-	43.184.063.978	-
Phải thu khác	2.680.581.087	-	366.130.912	-
	<b>139.740.743.758</b>	<b>-</b>	<b>121.260.636.539</b>	<b>-</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>831.031.385</i>	<i>-</i>	<i>152.211.278</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Cosfi	831.031.385	-	152.211.278	-
<i>Bên khác</i>	<i>138.909.712.373</i>	<i>-</i>	<i>121.108.425.261</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Trường Giang	8.676.069.105	-	8.299.483.499	-
Donghong Logistics (Singapore) Pte.Ltd	24.917.250.516	-	24.038.561.367	-
Đối tượng khác	105.316.392.752	-	88.770.380.395	-
	<b>139.740.743.758</b>	<b>-</b>	<b>121.260.636.539</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thù,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**6 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.082.520.150	-	1.225.795.509	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	108.997.344	-	108.997.344	-
Tạm ứng	24.966.701.554	-	8.180.239.239	-
Ký cược, ký quỹ	10.575.187.622	-	10.755.626.084	-
Phải thu khác	1.729.611.487	-	2.955.336.184	-
	<b>38.463.018.157</b>	<b>-</b>	<b>23.225.994.360</b>	<b>-</b>
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
<b>Bên liên quan</b>	-	-	<b>1.393.337.445</b>	-
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi	-	-	1.393.337.445	-
<b>Bên khác</b>	<b>38.463.018.157</b>	-	<b>21.832.656.915</b>	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hal Nguyễn Minh	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Các đối tượng khác	33.463.018.157	-	16.832.656.915	-
	<b>38.463.018.157</b>	<b>-</b>	<b>23.225.994.360</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	1.462.473.600	-	250.473.600	-
	<b>1.462.473.600</b>	<b>-</b>	<b>250.473.600</b>	<b>-</b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	84.038.730	-	94.327.627	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	4.700.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.221.223.728	-	2.649.909.594	-
Hàng hoá	40.215.251.530	-	44.155.648.330	-
	<b>45.520.513.988</b>	<b>-</b>	<b>46.904.585.551</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thù, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quần lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	52.511.173.037	6.200.768.079	158.531.966.660	2.605.352.066	219.849.259.842
- Mua trong năm	-	60.000.000	2.774.848.080	-	2.834.848.080
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.590.438.182)	-	(2.590.438.182)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.511.173.037</b>	<b>6.260.768.079</b>	<b>158.716.376.558</b>	<b>2.605.352.066</b>	<b>220.093.669.740</b>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	27.723.141.396	4.459.143.217	126.884.708.492	2.070.470.137	161.137.463.242
- Khấu hao trong năm	1.673.701.896	1.743.431.662	10.662.761.730	331.780.160	14.411.675.448
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.583.796.647)	-	(2.583.796.647)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>29.396.843.292</b>	<b>6.202.574.879</b>	<b>134.963.673.575</b>	<b>2.402.250.297</b>	<b>172.965.342.043</b>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	24.788.031.641	1.741.624.862	31.647.258.168	534.881.929	58.711.796.600
Tại ngày cuối năm	23.114.329.745	58.193.200	23.752.702.983	203.101.769	47.128.327.697

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 118.910.601.643 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	2.245.000.000	2.297.745.000	4.542.745.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.245.000.000</b>	<b>2.297.745.000</b>	<b>4.542.745.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	2.246.896.390	2.246.896.390
- Khấu hao trong năm	-	19.683.336	19.683.336
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>2.266.579.726</b>	<b>2.266.579.726</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	2.245.000.000	50.848.610	2.295.848.610
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>2.245.000.000</b>	<b>31.165.274</b>	<b>2.276.165.274</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.238.695.000 VND.

(\*) Tại ngày 31/12/2024, quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn là lô đất số 52-53 Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Nhơn với diện tích 150 m<sup>2</sup> và giá trị là 1,845 tỷ VND;+ Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn là căn biệt thự Sealink, Mũi Né với diện tích 400 m<sup>2</sup> và giá trị là 400 triệu VND.**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	150.295.077
	<b>-</b>	<b>150.295.077</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất tại Chi nhánh Đà Nẵng	2.457.955.968	2.590.818.456
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	304.285.849
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	399.428.716	1.676.297.872
Chi phí thuê văn phòng chi nhánh Hà Nội	96.000.000	-
	<b>2.953.384.684</b>	<b>4.571.402.177</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo loại hình dịch vụ</b>				
Phải trả các công ty dịch vụ hàng không	87.332.005.478	87.332.005.478	68.848.778.986	68.848.778.986
Phải trả các công ty dịch vụ đường biển	6.201.446.620	6.201.446.620	5.778.291.167	5.778.291.167
Phải trả các công ty dịch vụ Logistic	38.853.342.082	38.853.342.082	31.767.668.787	31.767.668.787
Phải trả dịch vụ đại lý tàu	386.708.728	386.708.728	361.228.168	361.228.168
Phải trả về mua hàng hóa	3.106.192.949	3.106.192.949	3.281.922.661	3.281.922.661
Phải trả các đối tượng khác	3.802.881.135	3.802.881.135	3.689.566.928	3.689.566.928
	<u>139.682.576.992</u>	<u>139.682.576.992</u>	<u>113.727.456.697</u>	<u>113.727.456.697</u>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo đối tượng</b>				
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi	3.237.407.097	3.237.407.097	3.100.638.438	3.100.638.438
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Bầu Trời	136.445.169.895	136.445.169.895	110.626.818.259	110.626.818.259
Văn phòng Bán vé Hãng hàng Không Japan Airlines Co., Ltd	23.829.671.954	23.829.671.954	26.667.607.000	26.667.607.000
Văn phòng Bán vé Hãng hàng Không Japan Airlines Co., Ltd	22.764.638.160	22.764.638.160	11.745.947.350	11.745.947.350
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Trường Giang	7.189.767.867	7.189.767.867	6.375.631.633	6.375.631.633
Phải trả người bán khác	82.661.091.914	82.661.091.914	65.837.632.276	65.837.632.276
	<u>139.682.576.992</u>	<u>139.682.576.992</u>	<u>113.727.456.697</u>	<u>113.727.456.697</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		881.714.299		745.509.760		1.544.791.876		-		82.432.183	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		6.441.566.463		15.562.133.965		16.602.544.738		-		5.401.155.690	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		381.092.009		6.751.307.264		6.583.830.525		-		548.568.748	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		243.580.339		243.580.339		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		33.211.375		33.211.375		-		-	
	-		<b>7.704.372.771</b>		<b>23.335.742.703</b>		<b>25.007.958.853</b>		-		<b>6.032.156.621</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Kinh phí công đoàn	177.900.824		56.427.274	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	677.012.841		999.300.253	
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	227.920.930		216.794.530	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.266.719.734		1.189.079.518	
	<b>2.349.554.329</b>		<b>2.461.601.575</b>	
<b>b) Dài hạn</b>				
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	91.160.000		91.160.000	
	<b>91.160.000</b>		<b>91.160.000</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFI**

Số 209, đường Nguyễn Văn Thiệu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>238.160.460.000</b>	<b>238.160.460.000</b>	<b>26.882.847.992</b>	<b>(17.300.120.000)</b>	<b>-</b>	<b>71.886.672.133</b>	<b>241.790.957.276</b>	<b>189.561.636.861</b>	<b>750.982.454.262</b>	<b>92.715.049.648</b>	<b>(138.877.919.830)</b>		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	21.205.719.433	9.904.917.690	(169.988.556.953)	(138.877.919.830)				
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>238.160.460.000</b>	<b>238.160.460.000</b>	<b>26.882.847.992</b>	<b>(17.300.120.000)</b>	<b>-</b>	<b>93.092.391.566</b>	<b>251.695.874.966</b>	<b>112.288.129.556</b>	<b>704.819.584.080</b>	<b>92.715.049.648</b>	<b>(138.877.919.830)</b>		
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>238.160.460.000</b>	<b>238.160.460.000</b>	<b>26.882.847.992</b>	<b>(17.300.120.000)</b>	<b>-</b>	<b>93.092.391.566</b>	<b>251.695.874.966</b>	<b>112.288.129.556</b>	<b>704.819.584.080</b>	<b>92.715.049.648</b>	<b>(138.877.919.830)</b>		
Tăng vốn trong năm nay (*)	10.710.000.000	10.710.000.000	-	-	-	-	-	-	10.710.000.000	-	-		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	71.313.732.813	-	-		
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	-	-	9.587.848.223	39.242.211.541	(98.020.482.231)	(49.190.422.467)	-	-		
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(10.490.000)	-	-		
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>248.870.460.000</b>	<b>248.870.460.000</b>	<b>26.882.847.992</b>	<b>(17.300.120.000)</b>	<b>-</b>	<b>102.680.239.789</b>	<b>290.938.086.507</b>	<b>85.570.890.138</b>	<b>737.642.404.426</b>	<b>92.715.049.648</b>	<b>(138.877.919.830)</b>		

(\*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-DHĐCĐ/SAFI-2024 ngày 22/03/2024, Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Cụ thể như sau:

- Mục đích phát hành: Ghi nhận và khen thưởng xứng đáng cho người lao động trong Công ty khi có thành tích vượt trội, khuyến khích sự gắn bó và nâng cao quyền lợi cũng như tinh thần trách nhiệm của người lao động đối với Công ty;

- Ngày kết thúc đợt phát hành: 10/05/2024; Giá trị phát hành: 10.710.000.000 VND; Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;

- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 1.071.000 cổ phiếu; Số người lao động được phân phối: 13 người;

- Tổng số cổ phiếu của Công ty sau đợt phát hành là: 24.887.046 cổ phiếu, trong đó số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 23.157.034 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu quỹ là 1.730.012 cổ phiếu.

(\*\*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-DHĐCĐ/SAFI-2024 ngày 22/03/2024 Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	112.288.129.556
Trích Quỹ đầu tư phát triển	8,54%	9.587.848.223
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	34,95%	39.242.211.541
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,56%	2.876.354.467
Chỉ trả cổ tức	41,25%	46.314.068.000
Lợi nhuận chưa phân phối	12,71%	14.267.647.325

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**Thông tin khác**

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt, tỷ lệ tạm ứng cổ tức 10%/cổ phần (01 cổ phần nhận được 1.000 đồng), thời hạn đăng ký cuối cùng vào ngày 04 tháng 02 năm 2025.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
		VND		VND
Ông Nguyễn Hoàng Anh	4,86%	12.100.000.000	4,20%	10.000.000.000
Samarang Ucits	8,15%	20.286.150.000	5,72%	13.630.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư NMVT	51,19%	127.400.000.000	50,39%	120.000.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	6,72%	16.720.000.000	5,34%	12.720.000.000
Các cổ đông khác	22,13%	55.064.190.000	27,09%	64.510.190.000
Cổ phiếu quỹ	6,95%	17.300.120.000	7,26%	17.300.120.000
	<b>100%</b>	<b>248.870.460.000</b>	<b>100%</b>	<b>238.160.460.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	238.160.460.000	238.160.460.000
- Vốn góp tăng trong năm	10.710.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	<u>248.870.460.000</u>	<u>238.160.460.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	216.794.530	184.766.230
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	46.314.068.000	132.516.204.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	46.314.068.000	132.516.204.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(46.302.941.600)	(132.484.175.700)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(46.302.941.600)	(132.484.175.700)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>227.920.930</u>	<u>216.794.530</u>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.887.046	23.816.046
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	24.887.046	23.816.046
- Cổ phiếu phổ thông	24.887.046	23.816.046
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.730.012	1.730.012
- Cổ phiếu phổ thông	1.730.012	1.730.012
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.157.034	22.086.034
- Cổ phiếu phổ thông	23.157.034	22.086.034
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	102.680.239.789	93.092.391.566
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	290.938.086.507	251.695.874.966
	<u>393.618.326.296</u>	<u>344.788.266.532</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thù,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại một số địa điểm để sử dụng với mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 28 đường Đào Trí, khu phố 3, phường Phú Nhuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh (*)	10.000 m <sup>2</sup>	50 năm, từ ngày 18/01/2000 đến ngày 18/01/2050
2	Lô NM6 Khu công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội (*)	4.800 m <sup>2</sup>	50 năm, từ ngày 20/01/2003 đến ngày 20/01/2053
3	Số 2, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, An Đông, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (**)	9.488,40 m <sup>2</sup>	36 năm 4 tháng, từ ngày 11/05/2007 đến ngày 21/09/2043

(\*) Đất thuê trả tiền hàng năm

(\*\*) Đất thuê trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.717.659,18	3.844.461,83

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	4.411.184.240	21.771.020.391
Doanh thu hoạt động Logistic	561.155.347.480	580.229.607.469
Doanh thu hoạt động Fowarding	499.203.314.790	318.100.348.200
Doanh thu dịch vụ đại lý hãng tàu và các hoạt động khác	4.391.526.258	5.573.774.488
	<b>1.069.161.372.768</b>	<b>925.674.750.548</b>

**17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.994.396.800	20.359.236.398
Giá vốn hoạt động Logistic	465.287.344.830	485.252.529.799
Giá vốn hoạt động Fowarding	446.958.590.621	273.796.165.668
Giá vốn dịch vụ đại lý hãng tàu và các hoạt động khác	723.659.432	980.770.628
	<b>916.963.991.683</b>	<b>780.388.702.493</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận I, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.117.310.054	5.691.596.903
Lãi do bán các khoản đầu tư vào đơn vị khác	-	24.759.785.788
Lãi từ đầu tư chứng khoán, trái phiếu	9.377.090.251	9.318.448.627
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.988.164.871	22.685.409.542
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.453.750.791	6.027.513.214
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.958.031.827	-
	<b>33.894.347.794</b>	<b>68.482.754.074</b>

**19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	305.136.986	
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.937.875.323	2.256.547.510
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm (Hoàn nhập dự phòng)/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(960.000.000)	30.000.000
Chi phí tài chính khác	2.675.886	4.983.427
	<b>4.285.688.195</b>	<b>2.461.730.319</b>

**20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	55.276.758.829	59.242.125.594
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.124.456.811	2.011.493.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.723.761.596	12.743.083.777
Chi phí khác bằng tiền	3.361.504.238	2.990.852.698
	<b>72.486.481.474</b>	<b>76.987.555.599</b>

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.670.680.424	8.569.663.896
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.833.361.309	3.927.819.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.214.304.277	10.823.061.856
Chi phí khác bằng tiền	1.530.935.761	1.472.964.474
	<b>23.249.281.771</b>	<b>24.793.509.771</b>

**22 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	502.449.374	931.616.162
Thu nhập khác	313.640.499	10.000.000
	<b>816.089.873</b>	<b>941.616.162</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thù,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	86.875.866.778	110.457.127.087
Các khoản điều chỉnh tăng	51.199.127	938.669.653
- Chi phí không hợp lệ	51.199.127	10.495.515
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	170.199.382
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm trước thực hiện năm nay	-	757.974.756
Các khoản điều chỉnh giảm	(9.116.396.080)	(22.685.409.542)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.988.164.871)	(22.685.409.542)
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm trước thực hiện năm nay	(170.199.382)	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(1.958.031.827)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	77.810.669.825	88.710.387.198
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>15.562.133.965</b>	<b>17.742.077.439</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	6.441.566.463	4.964.458.649
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(16.602.544.738)	(16.264.969.625)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>5.401.155.690</b>	<b>6.441.566.463</b>

**24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	896.851.742	1.329.993.458
Chi phí nhân công	66.692.227.995	73.309.274.867
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.431.358.784	17.965.323.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	924.365.793.742	766.824.800.382
Chi phí khác bằng tiền	4.890.439.999	4.463.817.172
	<b>1.011.276.672.262</b>	<b>863.893.209.630</b>

**25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Đầu tư ngắn hạn	31.980.952.073	-	-	31.980.952.073
Đầu tư dài hạn	-	1.530.000.000	-	1.530.000.000
	<b>31.980.952.073</b>	<b>1.530.000.000</b>	-	<b>33.510.952.073</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Đầu tư ngắn hạn	41.352.645.400	-	-	41.352.645.400
Đầu tư dài hạn	-	540.000.000	-	540.000.000
	<b>41.352.645.400</b>	<b>540.000.000</b>	-	<b>41.892.645.400</b>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	221.810.314.622	-	-	221.810.314.622
Phải thu khách hàng, phải thu khác	178.203.761.915	1.462.473.600	-	179.666.235.515
Các khoản cho vay	23.178.742.050	-	-	23.178.742.050
	<b>423.192.818.587</b>	<b>1.462.473.600</b>	-	<b>424.655.292.187</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	201.162.239.285	-	-	201.162.239.285
Phải thu khách hàng, phải thu khác	144.486.630.899	250.473.600	-	144.737.104.499
Các khoản cho vay	21.937.326.847	-	-	21.937.326.847
	<b>367.586.197.031</b>	<b>250.473.600</b>	-	<b>367.836.670.631</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	142.032.131.321	91.160.000	-	142.123.291.321
	<u>142.032.131.321</u>	<u>91.160.000</u>	<u>-</u>	<u>142.123.291.321</u>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	116.189.058.272	91.160.000	-	116.280.218.272
	<u>116.189.058.272</u>	<u>91.160.000</u>	<u>-</u>	<u>116.280.218.272</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

330  
TY  
AN  
N TAI  
I  
CH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, đường Nguyễn Văn Thủ,  
phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**


Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động Logistic	Hoạt động Forwarding	Dịch vụ đại lý hãng tàu và các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	561.155.347.480	499.203.314.790	8.802.710.498	1.069.161.372.768
Chi phí bộ phận trực tiếp	465.287.344.830	446.958.590.621	4.718.056.232	916.963.991.683
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>95.868.002.650</b>	<b>52.244.724.169</b>	<b>4.084.654.266</b>	<b>152.197.381.085</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	2.834.848.080	2.834.848.080
Tài sản bộ phận trực tiếp	341.889.384.006	304.144.502.149	5.363.137.469	651.397.023.623
Tài sản không phân bổ				246.944.721.848
<b>Tổng tài sản</b>	<b>341.889.384.006</b>	<b>304.144.502.149</b>	<b>5.363.137.469</b>	<b>898.341.745.471</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	76.632.486.894	73.613.754.422	777.060.426	151.023.301.742
Nợ phải trả không phân bổ				9.676.039.303
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>76.632.486.894</b>	<b>73.613.754.422</b>	<b>777.060.426</b>	<b>160.699.341.045</b>

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Duyên Thắm  
Người lập  
Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2025



Đặng Thị Thúy Hằng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Anh  
Tổng Giám đốc